

Số: 203 /BC-UBND

Phú Quốc, ngày 20 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO
CÔNG KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH,
ĐẦU TƯ CÔNG ƯỚC QUÝ I NĂM 2026**

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ quý I năm 2026:

1. Tài chính Ngân sách:

a. Thu Ngân sách Nhà nước:

Dự toán thu NSNN năm 2026 UBND Tỉnh giao trên địa bàn là 17.796,301 tỷ đồng, trong đó: Thu phân cấp đặc khu quản lý là 2.099,301 tỷ đồng (Thu tiền sử dụng đất và thuê đất là 340 tỷ đồng; Các khoản thu cân đối còn lại là 1.759,301 tỷ đồng), Thu do Thuế tỉnh An Giang quản lý 15.697 tỷ đồng.

- Thu NSNN ước quý I/2026 là 3.150,295 tỷ đồng, đạt 17,70% dự toán thu trên địa bàn, đạt 118,08% so cùng kỳ. Thu phân cấp đặc khu quản lý ước quý I/2026 là 973,165 tỷ đồng, đạt 46,36% dự toán đặc khu quản lý, đạt 67,77% so cùng kỳ. Thu do Cục thuế tỉnh thu ước quý I/2026 là 2.177,130 tỷ đồng, đạt 13,87% so dự toán, đạt 176,71% so cùng kỳ.

- Trong số thu phân cấp cho UBND đặc khu quản lý nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất và thuê đất là 337,545 tỷ đồng, thì số thu ước quý I/2026 được 635,620 tỷ đồng, đạt 36,13% so dự toán, đạt 184,64% so cùng kỳ.

** Dự toán thu điều tiết giao năm 2026 là 1.037,141 tỷ đồng (Trong đó: điều tiết hưởng chi thường xuyên là 858,641 tỷ đồng; Thu tiền đất 178,500 tỷ đồng): Số thu điều tiết ước quý I/2026 sau khi loại trừ thu tiền đất thì số thu điều tiết được hưởng để chi cân đối chi thường xuyên là 295,851 tỷ đồng (so số thu dự toán quý I/2026 thì tăng thu 81,191 tỷ đồng, đạt 137,82%, đạt 34,46% so dự toán năm).*

- Thu tiền sử dụng đất và thuê đất ước quý I/2026 là 337,545 tỷ đồng, đạt 99,28% so dự toán, đạt 30,92% so cùng kỳ; chiếm tỷ trọng 34,69% trong tổng thu phân cấp đặc khu quản lý.

** Thu tiền sử dụng đất do UBND đặc khu quản lý ước quý I/2026 là: 240,727 tỷ đồng. Thu điều tiết được hưởng 143,233 tỷ đồng, đạt 80,24% so dự toán, đạt 323,79% so cùng kỳ.*

** Thu tiền thuê đất ước quý I/2026 là: 96,817 tỷ đồng, đạt 242,04% so dự toán, đạt 15,85% so cùng kỳ.*

b. Chi Ngân sách Nhà nước:

Dự toán chi ngân sách phân cấp cho UBND đặc khu năm 2026 (điều chỉnh) là 6.849,873 tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư công 5.183,906 tỷ đồng (trong đó: Kế hoạch vốn năm 2025 chuyển nguồn và chuyển tiếp sang 913,786 tỷ đồng); Chi thường xuyên 1.645,631 tỷ đồng; Chi dự phòng 20,336 tỷ đồng.

- Chi ngân sách đặc khu ước quý I/2026 là **2.479,739** tỷ đồng, đạt **238,12%** so dự toán HĐND tỉnh giao, đạt **43,31%** so dự toán HĐND đặc khu giao, đạt **36,20%** so dự toán điều chỉnh. Trong đó: Chi lĩnh vực thường xuyên ước quý I/2026 là **497,952** tỷ đồng, đạt **59,10%** so dự toán HĐND tỉnh giao, đạt **57,69%** so dự toán HĐND đặc khu giao, đạt **30,26%** so dự toán điều chỉnh.

2. Đầu tư công:

- Tổng nguồn vốn đầu tư công bố trí năm 2026 là **4.846,101** tỷ đồng (do tính điều chỉnh: tăng **575,980** tỷ đồng), gồm: Nguồn vốn CDNS địa phương **10,500** tỷ đồng, nguồn xổ số kiến thiết **4,500** tỷ đồng, nguồn tiền sử dụng đất tỉnh giao (70%) **178,500** tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung từ nguồn thu từ đất **133** tỷ đồng; Nguồn thực hiện công trình APEC **4.519,601** tỷ đồng (Nguồn vốn Trung ương **819,253** tỷ đồng, nguồn thu tiền sử dụng đất **3.700,348** tỷ đồng).

- Giải ngân nguồn vốn XD CB kế hoạch năm 2026 đặc khu quản lý: Khối lượng thực hiện ước quý I/2026 là **1.158,162** tỷ đồng; Giá trị giải ngân ước quý I/2026 là **1.158,162** tỷ đồng, đạt **23,90%** so kế hoạch.

+ Giải ngân thực hiện công trình dự án khẩn cấp APEC năm 2027 ước quý I/2026 là **1.129,677** tỷ đồng, đạt **25%** so kế hoạch.

+ Giải ngân thực hiện công trình dự án khác từ nguồn sử dụng đất tỉnh giao ước quý I/2026 là: **6,051** tỷ đồng, đạt **4,55%** so kế hoạch.

+ Giải ngân thực hiện công trình dự án khác từ nguồn sử dụng đất tỉnh giao (70%) ước quý I/2026 là: **22,434** tỷ đồng, đạt **12,57%** so kế hoạch.

3. Công tác quyết toán dự án hoàn thành và chi tiền bồi thường, hỗ trợ và TĐC cho các hộ dân có đất nằm trong các DA bị thu hồi trên địa đặc khu Phú Quốc:

3.1. Quyết toán dự án hoàn thành:

- Quý I/2026: 03 hồ sơ. Giá trị đề nghị **15,942** tỷ đồng, giá trị thẩm tra quyết toán **15,742** tỷ đồng, tiết kiệm **0,200** tỷ đồng.

3.2. Chi tiền BT, HT và tái định cư:

- Quý I/2026: 183 hộ dân, số tiền là chi trả là: **354,766** tỷ đồng.

4. Các nhiệm vụ khác:

UBND đặc khu chỉ đạo cơ quan chuyên môn tập trung phân bổ dự toán thu, giao dự toán chi cho các đơn vị dự toán thuộc đặc khu quản lý theo đúng quy định của Luật Ngân sách và Nghị quyết của HĐND đặc khu.

Hoàn thành phân bổ giao dự toán thu, chi năm 2026 các đơn vị hành chính, sự nghiệp trên địa bàn đặc khu Phú Quốc.

Cấp kinh phí thực hiện kịp thời việc mua sắm các trang thiết bị lắp đặt đèn Led trang trí phục vụ Tết Nguyên đán năm 2026; lắp đặt bảng thông tin hỗ trợ du khách trên địa bàn đặc khu Phú Quốc và lắp đặt các bảng tên các Khu phố thuộc đặc khu Phú Quốc.

Cử công chức tham gia đoàn kiểm tra liên ngành thường trực chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2026 trên địa bàn đặc khu Phú Quốc (gọi tắt Đoàn kiểm tra 389/PQ).

Phối hợp với Thuế cơ sở 2 - An Giang và các đơn vị liên quan tập trung công tác thu ngân sách, nhất là thu tiền đất đảm bảo theo dự toán giao.

Phối hợp với Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Quốc và các đơn vị liên quan tập trung thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo kế hoạch nhất là các dự án phục vụ Hội nghị APEC.

Phối hợp với cơ quan Thống kê cơ sở Phú Quốc hoàn thành công tác tổng điều tra cơ sở kinh tế trước ngày 10/3/2026.

Phối hợp cùng với KBNN Khu vực XX - Phòng Giao dịch số 5 về công tác đối chiếu dự toán, thu hồi tạm ứng ngân sách sách và chuyển nguồn dự toán và chuyển số dư tạm ứng.

Thực hiện tốt công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã trên địa bàn đặc khu; Tiếp tục rà soát, hướng dẫn, thẩm định đối với công tác quản lý giá theo phân quyền của tỉnh, cập nhật thường xuyên thông tin về giá dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn trên cổng thông tin điện tử Phú Quốc.

II. Phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2026:

UBND đặc khu tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

Thực hiện công tác quyết toán ngân sách địa phương năm 2025.

Tiếp tục phối hợp với Thuế cơ sở 2 - An Giang và các đơn vị liên quan tập trung công tác thu ngân sách, nhất là thu tiền đất đảm bảo theo dự toán giao.

Tiếp tục phối hợp với Ban Quản lý dự án ĐTXD khu vực Phú Quốc và các đơn vị liên quan tập trung thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo kế hoạch nhất là các dự án phục vụ Hội nghị APEC.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Tài chính Ngân sách đặc khu, đầu tư công ước quý I năm 2026./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Đảng ủy đặc khu;
- Lãnh đạo HĐND đặc khu;
- CT và các Phó CT UBND đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử đặc khu;
- LĐVP; dthai;
- Lưu: VT, PTCKH, lnxuan.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Minh Trí



Biểu số 93/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ƯỚC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo BC số: 03/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Ước thực hiện quý 1 năm 2026	So sánh Thực hiện với (%)		
					Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/2	6=3/ck
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	17.796.301.000.000	17.796.301.000.000	3.150.294.658.317	17,70	17,70	118,08
I	Thu cân đối NSNN	2.099.301.000.000	2.099.301.000.000	979.471.560.173	46,66	46,66	68,42
1	Thu nội địa	2.099.301.000.000	2.099.301.000.000	979.471.560.173			
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			(6.306.622.574)			(146,66)
III	Thu cục thuế tỉnh quản lý	15.697.000.000.000	15.697.000.000.000	2.177.129.720.718	13,87	13,87	176,71
IV	Thu viện trợ						
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	5.725.010.700.000	6.849.873.396.177	4.290.850.973.019	74,95	62,64	518,57
I	Tổng chi cân đối ngân sách đặc khu	5.725.010.700.000	6.849.873.396.177	4.290.850.973.019	74,95	62,64	540,57
1	Chi đầu tư phát triển	4.841.500.000.000	5.183.906.578.370	3.792.898.974.855	78,34	73,17	1.431,20
2	Chi thường xuyên	863.174.700.000	1.645.630.817.807	497.951.998.164	57,69	30,26	109,47
3	Chi khen thưởng						-
4	Dự phòng ngân sách	20.336.000.000	20.336.000.000		-	-	-
5	Chi từ nguồn CCTL						-
6	Chi nộp trả ngân sách cấp trên						
II	Chi trợ cấp ngân sách xã						-



Biểu số 94/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo BC số: 203/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Ước thực hiện quý 1 năm 2026	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/ck
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	17.796.301.000.000	17.796.001.000.000	3.150.294.658.317	17,70	17,70	118,54
I	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			(6.306.622.574)			(146,66)
II	Thu cục thuế tỉnh quản lý	15.697.000.000.000	15.697.000.000.000	2.177.129.720.718	13,87	13,87	176,71
III	Thu nội địa	2.099.301.000.000	2.099.001.000.000	979.471.560.173	46,66	46,66	68,92
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương	33.200.000.000	33.200.000.000	24.078.537.699	72,53	72,53	150,55
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Địa phương	11.500.000.000	11.500.000.000	14.594.773.011	126,91	126,91	313,62
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	31.500.000.000	31.500.000.000	13.885.941.967	44,08	44,08	143,93
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	890.701.000.000	890.701.000.000	382.976.983.932	43,00	43,00	236,96
5	Thuế thu nhập cá nhân	425.000.000.000	425.000.000.000	134.948.925.546	31,75	31,75	226,50
6	Thuế bảo vệ môi trường	98.900.000.000	98.900.000.000	28.186.193.541	28,50	28,50	159,80
7	Lệ phí trước bạ	166.300.000.000	166.300.000.000	23.205.929.421	13,95	13,95	81,00
8	Thu phí, lệ phí	9.800.000.000	9.800.000.000	3.073.499.987	31,36	31,36	29,69
9	Các khoản thu về nhà, đất	340.000.000.000	340.000.000.000	337.544.673.955	99,28	99,28	30,92
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
-	Thu tiền sử dụng đất	300.000.000.000	300.000.000.000	240.727.188.920	80,24	80,24	50,07
-	Thu tiền sử dụng đất (Các DA do cấp tỉnh quản lý)						
-	Ghi thu ghi chi						
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	40.000.000.000	40.000.000.000	96.817.485.035	242,04	242,04	15,85
	Trong đó: ghi thu ghi chi						
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
11	Thu khác ngân sách	92.000.000.000	92.000.000.000	16.355.480.479	17,78	17,78	80,56
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
13	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100.000.000	100.000.000	616.163.971	616,16	616,16	195,41
14	Thu tiền cấp quyền khai thác TN khoáng sản, vùng trời, vùng biển			4.456.664			0,57
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	300.000.000	300.000.000				
15	Thu đóng góp						-
IV	Thu viện trợ						
B	THU NGÂN SÁCH ĐẶC KHU ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	-	-	439.083.727.883			
1	Từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %			407.626.457.048			
2	Các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%			30.841.106.864			



Biểu số 95/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 1 NĂM 2026

203 /BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Ước thực hiện quý 1 năm 2026	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/ck
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	5.725.010.700.000	6.849.873.396.177	2.479.738.546.818	43,31	36,20	299,69
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐẶC KHU	5.725.010.700.000	6.849.873.396.177	2.479.738.546.818	43,31	36,20	299,69
I	Chi đầu tư phát triển	4.841.500.000.000	5.183.906.578.370	1.981.786.548.654	40,93	38,23	747,80
1	Chi XDCB vốn tỉnh phân cấp (TWMT+tỉnh)	4.841.500.000.000	5.183.906.578.370	1.158.161.600.000	23,92	22,34	
2	Chi XDCB vốn đặc khu						
3	Chi XDCB vốn đặc khu (nguồn vốn được phép kéo dài năm 2025 sang năm 2026)			823.624.948.654			
II	Chi thường xuyên	863.174.700.000	1.645.630.817.807	497.951.998.164	57,69	30,26	109,47
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	414.375.884.520	454.159.736.116	101.803.923.433	24,57	22,42	186,12
2	Chi công nghệ chuyển đổi sáng tạo và chuyển đổi số		2.000.000.000				
3	Chi sự nghiệp y tế		40.000.000.000	3.670.955.742			
4	Chi văn hóa thông tin	9.489.218.487	23.976.486.148	1.362.649.599	14,36	5,68	97,88
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.000.000.000	1.500.000.000	34.397.944	3,44	2,29	22,84
6	Chi thể dục thể thao	702.000.000	1.702.000.000	54.434.393	7,75	3,20	517,71
7	Chi sự nghiệp môi trường, du lịch	160.000.000.000	191.438.111.268	5.000.000.000	3,13	2,61	12,42
8	Chi hoạt động kinh tế	101.430.000.000	634.053.733.821	337.920.635.375	333,16	53,30	99,46
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	136.648.375.744	216.005.267.436	35.138.615.019	25,71	16,27	262,92
10	Chi bảo đảm xã hội	27.121.496.832	63.387.758.601	11.855.470.659	43,71	18,70	226,10
11	Chi khác	12.407.724.417	17.407.724.417	1.110.916.000	8,95	6,38	
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương						-
IV	Chi khen thưởng						
V	Dự phòng ngân sách	20.336.000.000	20.336.000.000		-	-	
VI	Chi hỗ trợ ngân sách xã						
B	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN						
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			1.158.161.600.000			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			1.158.161.600.000			
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên						

